

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 29-6-2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TU, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh

2. Ông Lê Quang Xệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã TU tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 64/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trương Công Q, sinh năm 1982; thường trú: Số 6, Tổ 1, khu phố K, phường P, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Ngô Kiều T, sinh năm 1984; thường trú: Số 6, Tổ 1, khu phố K, phường P, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trương Công Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Công Q và bà Ngô Kiều T tự nguyện chung sống được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã TU, tỉnh Bình Dương năm 2006.

Thời gian mới kết hôn vợ chồng có nhà riêng và sinh sống tại phường P, cuộc sống rất hạnh phúc. Tuy nhiên từ năm 2015 vợ chồng S sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do ông Q bán nhà ở phường P để lấy tiền xây nhà trên đất của cha mẹ bà T tại phường V. Cha mẹ vợ ông Q có cho thêm ông Q và bà T một phần tiền xây nhà nhưng từ đó bà T không tôn trọng ông Q, mỗi khi mâu thuẫn

ông Q bị bà T và gia đình bên vợ đuổi ra khỏi nhà. Ông Q từng là nhân viên y tế làm việc tại trung tâm y tế thị xã Thuận An, phải thường xuyên trực ca đêm nhưng bà T ghen tuông và thường xuyên những có hành động làm ảnh hưởng đến công việc của ông Q, cụ thể như nếu ông Q đi làm về muộn thì bà T gọi điện cho Trưởng khoa hoặc phòng điều dưỡng trung tâm y tế thị xã Để gây rối, mỗi lần như vậy thì Trưởng khoa hoặc phòng điều dưỡng đều làm việc trực tiếp, yêu cầu ông Q không để người thân làm ảnh hưởng hoạt động chung của trung tâm y tế. Cảm thấy không thể khuyên can bà T, không thể tiếp tục làm việc khi bà T gây áp lực tinh thần nên ông Q phải tự xin chuyển công tác về trung tâm y tế huyện Bắc TU. Vợ chồng mâu thuẫn, trong thời gian sống ly thân, ông Q gọi điện thoại cho con thì bà T không cho gặp nhưng bà T thường gọi điện, nhắn tin chửi và xúc phạm ông Q.

Ông Q và bà T đã sống ly thân 03 tháng, trong thời gian này hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Q yêu cầu ly hôn với bà T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trương Q N, sinh ngày 15/02/2007 và Trương Q S, sinh ngày 07/7/2011. Ly hôn ông Q có nguyện vọng mỗi người nuôi một con nhưng các con của ông Q đều có nguyện vọng sống với bà T, ông Q cũng không muốn hai con phải sống tách rời nhau nên đồng ý để bà T trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung.

Hiện nay ông Q làm nhân y tế làm việc tại Trung tâm y tế huyện Bắc TU và cư trú ở nhà mẹ ruột tại xã L, huyện Bắc TU. Tổng thu nhập hàng tháng của ông Q khoảng 6.354.000 đồng nên ông Q sẽ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/5/2020, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà Ngô Kiều T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Kiều T không đồng ý ly hôn với ông Trương Công Q vì lý do trong thời gian chung sống bà T đã bỏ rất nhiều tiền để nuôi ông Q ăn học trong 04 năm học đại học từ năm 2016 đến năm 2018. Trong năm 2017 ông Q bị bệnh rò hậu môn, năm 2018 ông Q phải điều trị bệnh viêm amydan, bảo hiểm xã hội chỉ chi trả một phần, phần còn lại bà T phải bỏ tiền riêng và công sức chăm sóc khi ông Q điều trị tại bệnh viện.

Hiện nay, bà T nghe nói ông Q có tình cảm với người phụ nữ khác nhưng chưa thu thập được bằng chứng xác thực để cung cấp cho Tòa án. Trường hợp ông Q giữ nguyên yêu cầu ly hôn, bà T đồng ý với điều kiện ông Q phải giao cho bà T 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng), số tiền này bà T không thể tính chi tiết nhưng bao gồm:

Tiền cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 10.000.000 đồng/01 con và cấp dưỡng một lần đến khi 02 con chung 18 tuổi. Bà T không đồng ý nhận tiền cấp dưỡng nuôi 02 con 3.000.000 đồng/tháng.

Tiền bà T chi trả cho ông Q ăn học đại học 04 năm và tiền bà T chi tiêu, chăm sóc khi ông Q bị bệnh.

- Về con chung: Bà T và ông Q có 02 con chung tên Trương Q N, sinh ngày 15/02/2007 và Trương Q S, sinh ngày 07/7/2011. Khi ly hôn, bà T đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, yêu cầu ông Trương Công Q cấp dưỡng 10.000.000 đồng/tháng 01 con và cấp dưỡng 01 lần để bà T nuôi con chung.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Trong quá trình sống chung sống ông Q và bà T có tạo lập được tài sản chung. Tuy nhiên, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 15/5/2020 cháu Trương Q S và cháu Trương Q N trình bày nguyện vọng nếu cha mẹ ly hôn, hai cháu muốn được sống với mẹ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU S biểu tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Trương Công Q và bà Ngô Kiều T là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Q và bà T đã trầm trọng, không thể hàn gắn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trương Công Q.

+ Về con chung: Ông Trương Công Q và bà Ngô Kiều T đã thỏa thuận bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trương Q N, sinh ngày 15/02/2007 và Trương Q S, sinh ngày 07/7/2011. Hiện tại các con đang sống chung với bà T, nội dung thỏa thuận của ông Q và bà T phù hợp với nguyện vọng của cháu N và cháu S, không trái đạo đức và phù hợp quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Q không có khả năng, không đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng/01 con và cấp dưỡng một lần theo yêu cầu của bà T. Theo thu nhập hàng tháng của ông Trương Công Q khoảng 6.354.000 đồng, ông Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trương Công Q và bà Ngô Kiều T không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông Trương Công Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Ngô Kiều T và yêu cầu việc nuôi dưỡng con sau khi ly hôn. Đây là vụ án “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo lời trình bày của các đương sự và Biên bản xác minh ngày 05/5/2020 của Tòa án, bị đơn bà Ngô Kiều T có đăng ký thường trú và hiện đang cư trú tại khu phố K, phường P, thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Công Q yêu cầu được ly hôn, bà Ngô Kiều T không đồng ý ly hôn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Trương Công Q và bà Ngô Kiều T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, huyện (nay là thị xã) TU, tỉnh Bình Dương năm 2006, đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau, bà T không tin tưởng và nhiều lần gây áp lực tinh thần cho ông Q. Ông Q và bà T đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2020 cho đến nay.

Tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 05/5/2020, Ủy ban nhân dân phường P, thị xã TU không biết nguyên nhân mâu thuẫn dẫn tới ly hôn giữa ông Q và bà T vì không nhận được yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử đã hòa giải mong muốn ông Q và bà T hàn gắn những mâu thuẫn tồn tại trong hôn nhân để đoàn tụ gia đình cùng nhau nuôi dạy con, tuy nhiên ông Q cho rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông và bà T đã tồn tại từ lâu, kéo dài tới nay nên không thể hàn gắn, không thể chung sống hạnh phúc và giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông Trương Công Q và bà Ngô Kiều T đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông Trương Công Q yêu cầu ly hôn bà Ngô Kiều T có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi dưỡng con chung: Hai con chung tên Trương Q N, sinh ngày 15/02/2007 và Trương Q S, sinh ngày 07/7/2011 hiện nay đang sống với bà T. Ông Q và bà T thống nhất để bà T được trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại bản tự khai ngày 15/5/2020, cháu Trương Q N và cháu Trương Q S có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy, nguyện vọng của cháu N và cháu Q không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bà T yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng/01 con và cấp dưỡng 01 lần. Ông Q không đồng ý mức cấp dưỡng và cách thức cấp dưỡng một lần theo yêu cầu của bà T. Theo bảng lương ông Q cung cấp, thu nhập hàng tháng của ông Trương Công Q khoảng

6.354.000 đồng. Bà T không cung cấp, không chứng minh được ông Q có mức thu nhập khác nên bà T yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng/01 con và cấp dưỡng 01 lần không có căn cứ chấp nhận. Ông Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng, việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông Q không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Nguyên đơn ông Trương Công Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 85 và Điều 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Công Q về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” với bị đơn bà Ngô Kiều T.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Công Q được ly hôn với bà Ngô Kiều T.

1.2 Về việc nuôi con chung: Bà Ngô Kiều T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Trương Q N, sinh ngày 15/02/2007 và Trương Q S, sinh ngày 07/7/2011.

1.3 Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trương Công Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Trương Công Q và bà Ngô Kiều T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Ông Trương Công Q được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Trương Công Q lạm dụng quyền đi lại thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Ngô Kiều T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con

của ông Trương Công Q. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.4 Về tài sản chung và vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Trương Công Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0037850, ngày 23/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TU,

- Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Ông Trương Công Q phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Trương Công Q và bà Ngô Kiều T có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã TU;
- Chi cục THADS thị xã TU;
- UBND phường P;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị Lan Hương